

**BỘ TÀI CHÍNH
TỔNG CỤC HẢI QUAN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 7594/TCHQ-PC
V/v triển khai thực hiện Nghị định 128/2020/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 30 tháng 11 năm 2020

Kính gửi:

- Các Cục Hải quan tỉnh, thành phố;
- Cục Điều tra chống buôn lậu;
- Cục Kiểm tra sau thông quan;
- Cục Quản lý rủi ro;

Ngày 19 tháng 10 năm 2020 Chính phủ đã ban hành Nghị định số 128/2020/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan; Nghị định 128/2020/NĐ-CP có hiệu lực thi hành từ ngày 10 tháng 12 năm 2020. Ngày 11 tháng 11 năm 2020 Bộ trưởng Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 90/2020/TT-BTC quy định các biểu mẫu sử dụng để xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan; Thông tư 90/2020/TT-BTC có hiệu lực thi hành từ ngày 26 tháng 12 năm 2020.

Nghị định 128/2020/NĐ-CP, Thông tư 90/2020/TT-BTC có một số thay đổi so với Nghị định 127/2013/NĐ-CP ngày 15/10/2013 (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định 45/2016/NĐ-CP ngày 26/5/2016) và Thông tư 155/2016/TT-BTC ngày 20/10/2016 như:

(i) Về phạm vi điều chỉnh:

- Nghị định 128/2020/NĐ-CP không quy định nội dung cưỡng chế thi hành quyết định hành chính trong lĩnh vực hải quan như Nghị định 127/2013/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định 45/2016/NĐ-CP) đã quy định. Cưỡng chế thi hành quyết định hành chính trong lĩnh vực hải quan sẽ được thực hiện theo quy định của Luật Quản lý thuế, Nghị định 126/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Quản lý thuế và Nghị định 166/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính (khoản 1 Điều 1).

- Nghị định bổ sung quy định về nguyên tắc: áp dụng Nghị định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan đối với các hành vi vi phạm xảy ra trong lĩnh vực hải quan (khoản 3 Điều 1)

(ii) Về đối tượng bị xử phạt: Nghị định quy định cụ thể đối tượng bị xử phạt là tổ chức (khoản 4 Điều 2)

(iii) Về phần hành vi vi phạm:

- Nghị định bổ sung một số hành vi mới phát sinh nhưng chưa có chế tài xử phạt như: hàng hóa giả mạo xuất xứ Việt Nam; hàng hóa có hình ảnh, nội dung thể hiện không đúng chủ

quyền quốc gia hoặc có nội dung khác gây ảnh hưởng đến an ninh, chính trị, kinh tế, xã hội, quan hệ ngoại giao của Việt Nam; vi phạm quy định về ghi nhãn hàng hóa...

- Nghị định thống nhất sử dụng một số thuật ngữ trong quy định hành vi vi phạm như: “khai sai”; “xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa không có giấy phép”; khai sai “về lượng” để đảm bảo việc thực hiện được thống nhất.

(iv) Đối với một số trường hợp không xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan:

Nghị định bỏ quy định không xử phạt đối với trường hợp “khai đúng tên hàng nhưng khai sai mã số, thuế suất, mức thuế lần đầu”; một số trường hợp không xử phạt được quy định trước đây tại Nghị định 127/2013/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định 45/2016/NĐ-CP) thì nay được chuyển về quy định tại một số Điều cụ thể của Nghị định 128/2020/NĐ-CP.

(v) Về thẩm quyền, thủ tục xử phạt:

+ Nghị định phân định thẩm quyền xử phạt của từng chức danh đối với từng hành vi vi phạm cụ thể (khoản 6, khoản 7, khoản 8, khoản 9, khoản 10 Điều 32).

+ Quy định cụ thể hồ sơ và thủ tục miễn tiền phạt đối với các hành vi vi phạm pháp luật về thuế.

(vi) Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Tài chính không ban hành Thông tư quy định chi tiết thi hành Nghị định 128/2020/NĐ-CP (như Thông tư 155/2016/TT-BTC trước đây). Thông tư số 90/2020/TT-BTC ngày 11/11/2020 của Bộ Tài chính ban hành quy định mẫu biên bản và quyết định sử dụng trong xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan và bãi bỏ Thông tư 155/2016/TT-BTC.

(Chi tiết nội dung mới của Nghị định 128/2020/NĐ-CP và Thông tư 90/2020/TT-BTC theo tài liệu gửi kèm công văn này)

Để triển khai thực hiện các văn bản này kịp thời, đầy đủ, đúng quy định khi các văn bản này có hiệu lực thi hành, Tổng cục Hải quan yêu cầu:

1. Cục trưởng các Cục Hải quan tỉnh, thành phố, Cục trưởng Cục Điều tra chống buôn lậu, Cục trưởng Cục Kiểm tra sau thông quan tổ chức cho công chức trong đơn vị nghiên cứu kỹ và triển khai thực hiện các quy định của các văn bản này tại đơn vị mình.

Đồng thời, công khai, tuyên truyền, phổ biến về nội dung của Nghị định 128/2020/NĐ-CP, Thông tư 90/2020/TT-BTC cho người khai hải quan, người nộp thuế biết, thực hiện.

2. Cục Quản lý rủi ro thực hiện việc cập nhập định danh các hành vi vi phạm được quy định tại Nghị định 128/2020/NĐ-CP và các biểu mẫu được ban hành kèm theo Thông tư 90/2020/TT-BTC vào hệ thống quản lý vi phạm pháp luật hải quan để các đơn vị có cơ sở nhập dữ liệu vào hệ thống.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các đơn vị phản ánh kịp thời về Tổng cục (qua Vụ Pháp chế) để nghiên cứu, xem xét, giải quyết.

Tổng cục Hải quan thông báo để các đơn vị biết, thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thứ trưởng Vũ Thị Mai;
- Đ/c Tổng cục trưởng;
- Vụ Pháp chế - Bộ TC;
- Cục GSQL, Cục Thuế XNK, Vụ Kiểm tra - Thanh tra;
- Lưu: VT, PC (4).

**KT. TỔNG CỤC TRƯỞNG
PHÓ TỔNG CỤC TRƯỞNG**

Mai Xuân Thành



TÀI LIỆU

GIỚI THIỆU NGHỊ ĐỊNH 128/2020/NĐ-CP NGÀY 19/10/2020 CỦA CHÍNH PHỦ QUY ĐỊNH XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC HẢI QUAN (Ban hành kèm theo công văn số 7594/TCHQ-PC ngày 30 tháng 11 năm 2020 của Tổng cục Hải quan)

Ngày 19 tháng 10 năm 2020 Chính phủ đã ban hành Nghị định số 128/2020/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan (sau đây viết tắt là Nghị định). **Nghị định có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10/12/2020.**

Tổng cục Hải quan giới thiệu một số nội dung mới, cơ bản của Nghị định 128/2020/NĐ-CP. Cụ thể như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ ĐỊNH 128/2020/NĐ-CP

1. Cơ sở pháp lý

Thời gian vừa qua, một số văn bản quy định về quản lý hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; quy định về thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; quy định về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan có sự thay đổi tại các văn bản như: Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13, Luật Quản lý Ngoại thương số 05/2017/QH14, Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương, Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 59/2018/NĐ-CP ngày 20/4/2018 của Chính phủ). Bên cạnh đó, Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 được ban hành thay thế cho Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11 và Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Quản lý thuế số 21/2013/QH12 có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2020.

Ngoài ra, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 119/NQ-CP ngày 31/12/2019 về một số biện pháp cấp bách nhằm tăng cường quản lý nhà nước về phòng chống gian lận xuất xứ, chuyển tải hàng hóa bất hợp pháp; giao Bộ Tài chính: phối hợp với các Bộ, ngành sửa đổi những nội dung liên quan đến xử lý vi phạm xuất xứ hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu trong Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính về hải quan (tại điểm a mục 2 Phần II Nghị quyết).

2. Cơ sở thực tiễn

Tổng kết quá trình thực hiện Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính về hải quan sau gần 04 năm thực hiện (từ 01/8/2016 đến 31/5/2020) đã phát sinh 76.385 vụ vi phạm. Nghị định 127/2013/NĐ-CP, đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định 45/2016/NĐ-CP đã quy định tương đối đầy đủ, bao quát các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan, nhưng quá trình thực hiện đã bộc lộ một số hạn chế sau đây:

- Thứ nhất, thiếu chế tài xử phạt một số hành vi vi phạm phát sinh từ các quy định mới về quản lý hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; quy định về thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; quy định về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan hoặc từ các vụ việc cụ thể phát sinh trong thời gian qua (ví dụ: xử phạt vi phạm quy định về ghi nhãn hàng hóa nhập khẩu; về xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa giả mạo xuất xứ Việt Nam; về nhập khẩu hàng hóa có hình ảnh, nội dung thể hiện không đúng chủ quyền quốc gia...).

- Thứ hai, một số hành vi vi phạm không còn phù hợp do đã có những thay đổi từ yêu cầu quản lý; một số hành vi có định danh chưa rõ ràng, chưa phù hợp nên quá trình thực hiện thiếu thống nhất (hành vi khai sai, không khai, không đóng nội dung giấy phép, không có giấy phép...).

- Thứ ba, không xác định được trị giá tang vật vi phạm để xác định thẩm quyền xử phạt và khung tiền phạt đối với một số mặt hàng cấm như: ngà voi, sừng tê giác, pháo nổ, vũ khí...

Do vậy, cần thiết phải ban hành Nghị định mới quy định xử phạt vi phạm hành chính về hải quan thay thế cho Nghị định 127/2013/NĐ-CP và Nghị định 45/2016/NĐ-CP.

II. QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ ĐỊNH 128/2020/NĐ-CP

- Một là, bảo đảm phù hợp với Hiến pháp năm 2013, Bộ luật Hình sự và các quy định của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính, Luật hải quan, Luật Quản lý thuế, các luật về thuế và các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành có liên quan đến quản lý nhà nước về hải quan; đáp ứng yêu cầu cải cách, hiện đại hóa hải quan; phù hợp các chuẩn mực trong các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên và tuân thủ theo cam kết.

- Hai là, kế thừa những quy định còn phù hợp của Nghị định số 127/2013/NĐ-CP, Nghị định số 45/2016/NĐ-CP; bổ sung những quy định mới đáp ứng yêu cầu thực tiễn trong quản lý nhà nước về hải quan; khắc phục, xử lý những vướng mắc, bất cập trong quá trình thực hiện các Nghị định này.

- Ba là, việc sửa đổi, bổ sung hành vi vi phạm hành chính trong Nghị định được xây dựng phù hợp với quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và phù hợp với cơ chế quản lý. Không bổ sung hành vi vi phạm khi không rõ biện pháp quản lý hoặc có biện pháp quản lý nhưng không rõ hậu quả của việc không tuân thủ.

III. NHỮNG NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA NGHỊ ĐỊNH 128/2020/NĐ-CP

1. Về tên gọi và phạm vi điều chỉnh của Nghị định

- Về tên gọi: Nghị định 128/2020/NĐ-CP có tên gọi: ***“Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan”***.

- Về phạm vi điều chỉnh của Nghị định 128/2020/NĐ-CP: quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan.

(Tên gọi và phạm vi điều chỉnh hẹp hơn so với Nghị định 127/2013/NĐ-CP: không có nội dung cưỡng chế thi hành quyết định hành chính trong lĩnh vực hải quan. Theo đó, việc cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan được thực hiện như sau:

a) Đối với các quyết định xử phạt vi phạm hành chính về thuế (xử phạt theo quy định tại Điều 9, Điều 14 Nghị định: thực hiện theo quy định tại Luật Quản lý thuế năm 2019 (Chương XIV) và Nghị định 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế năm 2019 (Chương VII).

b) Luật Xử lý vi phạm hành chính (mục 3 Chương III Phần thứ hai) và Nghị định 166/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính).

2. Bộ cục của Nghị định 128/2020/NĐ-CP

Nghị định có 37 Điều, trong đó:

- Chương I (quy định chung): 6 Điều (từ Điều 1 đến Điều 6).
- Chương II (các hành vi vi phạm, hình thức xử phạt và biện pháp khắc phục hậu quả, thẩm quyền xử phạt, thủ tục xử phạt): 27 Điều (từ Điều 7 đến Điều 34).
- Chương III (Điều khoản thi hành): 03 Điều (từ Điều 35 đến Điều 37).

3. Một số nội dung cơ bản của Nghị định 128/2020/NĐ-CP

3.1. Phần quy định chung (Chương I)

Về cơ bản các nội dung của phần Quy định chung được kế thừa từ quy định tại Nghị định 127/2013/NĐ-PC, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định 45/2016/NĐ-CP. Nghị định có sửa đổi, bổ sung một số nội dung sau:

- Bổ sung nội dung quy định nguyên tắc áp dụng văn bản (*áp dụng quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan*) đối với các hành vi vi phạm quy định về quản lý hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu được phát hiện trong địa bàn hoạt động hải quan (khoản 3 Điều 1).

- Bổ sung quy định về đối tượng áp dụng Nghị định, gồm: *tổ chức, cá nhân trong nước; tổ chức, cá nhân nước ngoài có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan; người có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính, áp dụng các biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử phạt vi phạm hành chính, người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại Điều 27, 28, 29, 30, 31, 32 Nghị định này; Cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc xử phạt vi phạm hành chính quy định tại Nghị định này (Điều 2).*

- Bổ sung 05 biện pháp khắc phục hậu quả: *“Buộc đưa ra khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoặc buộc tái xuất tại cửa khẩu nhập đối với tang vật vi phạm hành*

chính” (điểm b khoản 5 Điều 5); “Buộc loại bỏ yếu tố vi phạm trên nhãn hàng hóa trước khi đưa hàng hóa ra khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam” (điểm d khoản 5 Điều 5); “Buộc nộp đủ số tiền thuế trốn, số tiền thuế thiếu”, “Buộc nộp đủ số tiền thuế đã được miễn, giảm, hoàn, không thu không đúng” (điểm g, h khoản 5); “Buộc dán tem “duty not paid” (điểm i khoản 5 Điều 5).

- Sửa đổi, bổ sung một số quy định về không xử phạt vi phạm hành chính: (i) thu hẹp phạm vi hàng hóa nhập khẩu được chấp nhận nhằm lẫn (*không chấp nhận nhằm lẫn đối với trường hợp hàng hóa là hàng cấm xuất nhập khẩu, tạm ngừng xuất nhập khẩu, hàng giả, hàng hóa là phế liệu không thuộc Danh mục được phép nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất* - khoản 2 Điều 6); (ii) bổ sung quy định không xử phạt vi phạm hành chính về thuế đối với trường hợp do người nộp thuế thực hiện theo văn bản hướng dẫn và quyết định xử lý của cơ quan có thẩm quyền liên quan đến nội dung xác định nghĩa vụ thuế của người nộp thuế cho thống nhất với quy định tại khoản 11 Điều 16 Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 (khoản 3 Điều 6); (iii) không quy định “*khai đúng tên hàng hóa thực xuất khẩu, thực nhập khẩu nhưng khai sai mã số, thuế suất, mức thuế lần đầu*” (khoản 6 Điều 5 Nghị định 127/2013/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định 45/2016/NĐ-CP) là trường hợp không xử phạt đối với trường hợp bởi pháp luật về hải quan (Điều 18 Luật hải quan) đã có quy định người khai hải quan được quyền: xem hàng hóa trước khi khai hải quan, được yêu cầu cơ quan hải quan xác định trước mã số hàng hóa; (iv) không quy định “*tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm quy định tại Điều 8, Điều 13 Nghị định này nhưng số tiền thuế chênh lệch không quá 500.000 đồng đối với trường hợp vi phạm do cá nhân thực hiện hoặc 2.000.000 đồng đối với trường hợp vi phạm do tổ chức thực hiện* (khoản 4 Điều 5 Nghị định xử phạt vi phạm hành chính về hải quan hiện hành); *Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa không đúng với khai hải quan về số lượng, trọng lượng quy định tại Điều 7 Nghị định này mà hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu không đúng với khai hải quan có trị giá không quá 10% trị giá hàng hóa thực xuất khẩu, thực nhập khẩu, nhưng tối đa không quá 10.000.000 đồng* (khoản 5 Điều 5 Nghị định 127/2013/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định 45/2016/NĐ-CP) là trường hợp không xử phạt do các trường hợp này không thuộc trường hợp không xử phạt quy định tại Điều 11 Luật Xử lý vi phạm hành chính (các trường hợp quy định tại khoản 4, khoản 5 Điều 5, khoản 7 Nghị định 127/2013/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định 45/2016/NĐ-CP được đưa về quy định tại các Điều 8, 9, 10 của Nghị định).

- Không quy định “*vi phạm lần đầu*” (được quy định tại khoản 2 Điều 3 Nghị định 127/2013/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định 45/2016/NĐ-CP) là tình tiết giảm nhẹ.

3.2. Phần hành vi vi phạm, hình thức xử phạt và biện pháp khắc phục hậu quả (Chương II)

Nội dung này được xây dựng trên cơ sở kế thừa quy định về hành vi vi phạm tại Mục 2 - Chương I Nghị định 127/2013/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định 45/2016/NĐ-CP; có sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số hành vi vi phạm hành chính. Cụ thể như sau:

3.2.1. Nhóm hành vi vi phạm về thời hạn làm thủ tục hải quan, nộp hồ sơ thuế (Điều 7)

Nhóm này gồm các hành vi vi phạm thời hạn về: làm thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; tái xuất hàng hóa tạm nhập, quá cảnh; tái xuất, tái nhập phương tiện vận

tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh; nộp hồ sơ thuế; xử lý nguyên vật liệu gia công..., được sửa đổi, bổ sung cụ thể như sau:

Bổ sung 03 hành vi: (i) *Nộp hồ sơ đề nghị áp dụng mức thuế suất 0% đối với linh kiện nhập khẩu theo Chương trình ưu đãi thuế để sản xuất, lắp ráp ô tô hoặc Chương trình ưu đãi thuế công nghiệp hỗ trợ ô tô không đúng thời hạn quy định* (điểm c khoản 3) căn cứ vào khoản 6 Điều 1 (bổ sung Điều 7a) Nghị định 125/2017/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung Nghị định 122/2016/NĐ-CP; (ii) *Thông báo hợp đồng gia công lại, phụ lục hợp đồng gia công lại không đúng thời hạn quy định* (điểm e khoản 3) và hành vi (iii) *“Thông báo định mức thực tế của lượng sản phẩm đã sản xuất không đúng thời hạn quy định* (điểm h khoản 3) căn cứ quy định tại Điều 55, 62 Thông tư 38/2015/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư 39/2018/TT-BTC.

Sửa đổi, bổ sung 06 hành vi: (i) *Khai bổ sung về trị giá hải quan quá thời hạn quy định đối với trường hợp hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu chưa có giá chính thức, hàng hóa có khoản thực thanh toán, hàng hóa có các khoản điều chỉnh cộng vào trị giá hải quan chưa xác định được tại thời điểm đăng ký tờ khai hải quan* (điểm d khoản 1) để bao quát đầy đủ các trường hợp phải khai bổ sung về trị giá hải quan theo quy định tại Điều 13, 14, 17 Thông tư 39/2015/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư 60/2019/TT-BTC; các hành vi: (ii) *“Không xử lý đúng thời hạn quy định đối với nguyên liệu, vật tư dư thừa, phế liệu, phế phẩm, máy móc, thiết bị thuê, mượn và sản phẩm gia công khi hợp đồng gia công kết thúc hoặc hết hiệu lực”* (điểm d khoản 3) và (iii) *“Thông báo bổ sung thông tin không đúng thời hạn quy định khi có sự thay đổi cơ sở gia công, sản xuất hàng hóa xuất khẩu; nơi lưu giữ nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị, sản phẩm xuất khẩu”* (điểm d khoản 3) được sửa đổi, bổ sung trên cơ sở các quy định tại khoản 1 Điều 37 Nghị định 08/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định 59/2018/NĐ-CP và Điều 56, 64 Thông tư 38/2015/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư 39/2018/TT-BTC; (iv) *Lưu giữ hàng hóa trung chuyển quá thời hạn quy định* (điểm b khoản 4) được bổ sung trên cơ sở quy định tại khoản 2 Điều 44 Nghị định 08/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định 59/2018/NĐ-CP; (v) *Khai báo và làm thủ tục sau khi chuyển tiêu thụ nội địa hoặc thay đổi mục đích sử dụng hàng hóa thuộc đối tượng không chịu thuế, miễn thuế, xét miễn thuế, hoàn thuế, không thu thuế, hàng áp dụng thuế suất theo hạn ngạch thuế quan* (điểm c khoản 4) được bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 25 Nghị định 08/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định 59/2018/NĐ-CP; (vi) **(vi)** *Không tái xuất PTVT tạm nhập là ô tô chở người dưới 24 chỗ ngồi (được xác định căn cứ giấy đăng ký lưu hành phương tiện hoặc thực tế kiểm tra phương tiện) đúng thời hạn quy định* (khoản 6 Điều 7).

Nghị định có điều chỉnh tăng mức tiền phạt đối với hành vi (vi) *“không tái xuất, tái nhập phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh đúng thời hạn quy định”* theo hướng phân chia mức tiền phạt theo số ngày vi phạm (khoản 5) cho phù hợp với mức độ của hành vi vi phạm.

Không quy định xử phạt đối với hành vi *“Báo cáo tình hình hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan”* tại điểm d khoản 2 Điều 6 Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính về hải quan do pháp luật hải quan đã quy định phương pháp quản lý (tạm dừng, chấm dứt hoạt động nếu không nộp báo cáo 03 lần liên tiếp) đối với trường hợp không báo cáo tình hình hoạt động của đại lý (Điều 7 Thông tư 12/2015/TT-BTC ngày 30/01/2015 của Bộ Tài chính, được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư 22/2019/TT-BTC ngày 16/4/2019 của Bộ Tài chính. Xóa bỏ cụm từ *“hàng hóa tạm nhập thuộc diện miễn thuế”* tại điểm a khoản 4 Điều 6 Nghị định xử phạt vi phạm hành

chính về hải quan hiện hành để tránh trùng lặp do “*hàng hóa tạm nhập thuộc diện miễn thuế*” đã được điều chỉnh ở điểm g khoản 3 Điều 6 Nghị định 127/2013/NĐ-PC, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định 45/2016/NĐ-CP (nay là điểm g khoản 3 Điều 7 Nghị định 128/2020/NĐ-CP).

3.2.2. Nhóm hành vi vi phạm quy định về khai hải quan (Điều 8)

- Nhóm này gồm các hành vi vi phạm quy định về khai hải quan (khai sai về tên hàng, số lượng, xuất xứ...) đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thuộc đối tượng miễn thuế, đối tượng không chịu thuế hoặc hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thuộc đối tượng chịu thuế nhưng không thuộc trường hợp vi phạm quy định về khai thuế hoặc trốn thuế; được sửa đổi, bổ sung cụ thể như sau:

Bổ sung 06 hành vi: (i) *Khai sai so với thực tế về lượng (tàng vật có trị giá trên 10.000.000 đồng), tên hàng, chủng loại, xuất xứ, trị giá hải quan, mã số hàng hóa nhập khẩu thuộc đối tượng chịu thuế nhưng không làm ảnh hưởng đến số thuế phải nộp* (điểm b khoản 1) căn cứ trên nghĩa vụ của người khai hải quan theo quy định của Điều 18 Luật Hải quan; (ii) *Không khai trên tờ khai hải quan mối quan hệ đặc biệt giữa người mua và người bán theo quy định của pháp luật hải quan mà không ảnh hưởng đến trị giá hải quan* (điểm c khoản 1) căn cứ Hiệp định về thực hiện Điều VII của Hiệp định chung về thuế quan và thương mại năm 1994 và quy định của pháp luật hải quan; (iii) *Khai sai số lượng vận đơn chủ, vận đơn thứ cấp trên bản khai hàng hóa của hồ sơ phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh* (điểm a khoản 4); (iv) *Khai sai số lượng hành khách trên danh sách hành khách của hồ sơ phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh* (điểm b khoản 4); (v) *Khai sai số lượng kiện hành lý trên bản khai hành lý của hồ sơ phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh* (điểm c khoản 4) (căn cứ quy định tại các Điều 61, Điều 65, Điều 70, Điều 74, Điều 77, Điều 79 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 59/2018/NĐ-CP của Chính phủ; Thông tư số 50/2018/TT-BTC ngày 23/5/2018 của Bộ Tài chính); (vi) “*Khai sai so với thực tế về lượng (tàng vật có trị giá trên 10.000.000 đồng), tên hàng, chủng loại, xuất xứ hàng hóa đưa vào kho ngoại quan, kho bảo thuế; hàng hóa từ kho ngoại quan, kho bảo thuế đưa ra nước ngoài*” (điểm d khoản 4, hành vi này được chuyển về từ Điều quy định xử phạt đối với hành vi vi phạm quy định về quản lý kho ngoại quan).

Sửa đổi hành vi “*xuất không*” theo hướng quy định cụ thể thành “*Đã làm thủ tục hải quan nhưng không xuất khẩu, xuất khẩu thiếu so với khai hải quan về tên hàng, số lượng, trị giá hàng hóa xuất khẩu* (khoản 5) và làm rõ quy định tại khoản 5 Điều 8 Nghị định không áp dụng cho các trường hợp tờ khai hải quan không có giá trị làm thủ tục hải quan theo quy định tại khoản 2 Điều 25 Luật Hải quan năm 2014 (quy định này được đưa từ Thông tư 155/2016/TT-BTC lên Nghị định).

Đối với hành vi khai sai về lượng được quy định tại nhóm hành vi vi phạm này, Nghị định quy định mức khai sai về lượng bắt đầu bị xử phạt vi phạm hành chính là trên 10.000.000 đồng trở lên trên cơ sở kế thừa quy định tại khoản 5 Điều 5 (trường hợp không xử phạt) Nghị định 127/2013/NĐ-CP, đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định 45/2016/NĐ-CP và khuyến nghị của chuẩn mực 3,39 Công ước Kyoto (chi tiết tại điểm a, b khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 5).

- Về mức tiền phạt đối với nhóm hành vi vi phạm này: quy định mức phạt áp dụng cho trường hợp do người khai hải quan tự phát hiện và khai bổ sung (ngoài thời hạn quy định) thì mức tiền phạt bằng 1/2 mức tiền phạt của trường hợp do bị kiểm tra phát hiện (khoản 6 Điều 8).

3.2.3. Nhóm hành vi vi phạm quy định về khai thuế dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp hoặc tăng số tiền thuế được miễn, giảm, hoàn, không thu (Điều 9)

Các hành vi vi phạm và mức tiền phạt của nhóm hành vi vi phạm này được xây dựng trên cơ sở quy định tại Điều 138 và Điều 142 Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14; được bố cục theo hướng: khoản 1 quy định hành vi vi phạm, khoản 2, khoản 3 quy định mức phạt tiền (10%, 20%) đối với các hành vi vi phạm quy định tại khoản 1. Cụ thể được sửa đổi, bổ sung như sau:

Sửa đổi 01 hành vi: bổ sung cụm từ “*hàng quản lý theo hạn ngạch thuế quan*” vào hành vi “*Khai sai đối tượng không chịu thuế, đối tượng miễn thuế*” (điểm b khoản 1) để bảo đảm bao quát đầy đủ các đối tượng vi phạm.

Bổ sung 03 hành vi: (i) “*Lập báo cáo quyết toán về lượng nguyên liệu, vật tư, linh kiện nhập khẩu đã sử dụng để sản xuất không đúng với thực tế sử dụng để sản xuất sản phẩm gia công, sản phẩm xuất khẩu*” (điểm e khoản 1) và (ii) “*Khai báo hàng hóa nhập khẩu theo loại hình gia công, sản xuất xuất khẩu nhưng không có cơ sở sản xuất hàng gia công, cơ sở sản xuất hàng xuất khẩu trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; hoặc không có máy móc, thiết bị thuộc quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng tại cơ sở sản xuất phù hợp với nguyên liệu, vật tư, linh kiện nhập khẩu để gia công, sản xuất hàng xuất khẩu*” (điểm g khoản 1) được bổ sung theo quy định tại Điều 12 Nghị định 134/2016/NĐ-CP; hành vi (iii) “*Không khai bổ sung về trị giá hải quan theo quy định mà bị phát hiện khi kiểm tra, thanh tra đối với trường hợp hàng hóa chưa có giá chính thức tại thời điểm đăng ký tờ khai hải quan, hàng hóa có khoản thực thanh toán, hàng hóa có các khoản điều chỉnh cộng vào trị giá hải quan chưa xác định được tại thời điểm đăng ký tờ khai hải quan*” (điểm c khoản 3) được bổ sung theo quy định tại Điều 13, 14, 17 Thông tư 39/2015/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư 60/2019/TT-BTC.

Nghị định bổ sung một nội dung quy định mức tối thiểu của số tiền thuế khai thiếu (*từ 500.000 đồng/tờ khai trở lên đối với cá nhân và từ 2.000.000 đồng/tờ khai trở lên đối với tổ chức*) bắt đầu bị xử phạt vi phạm hành chính (khoản 4 Điều 9) trên cơ sở kế thừa quy định tại khoản 4 Điều 5 (trường hợp không xử phạt) Nghị định 127/2013/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định 45/2016/NĐ-CP.

Nghị định quy định 02 mức xử phạt đối với nhóm hành vi vi phạm này: 10% áp dụng đối với các trường hợp tự phát hiện và khai bổ sung theo quy định; 20% áp dụng đối với những trường hợp vi phạm do cơ quan hải quan phát hiện trong thông quan và các trường hợp khác nhưng cá nhân, tổ chức vi phạm đã tự nguyện khắc phục hậu quả bằng cách nộp đủ số tiền thuế phải nộp trước thời điểm lập biên bản vi phạm hành chính. Trường hợp không tự nguyện khắc phục hậu quả bằng cách nộp đủ số tiền thuế phải nộp trước thời điểm lập biên bản vi phạm hành chính thì bị xử phạt từ 1-3 lần số tiền thuế trốn theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 14 Nghị định.

Xóa bỏ hành vi “*Các hành vi không khai hoặc khai sai khác làm thiếu số tiền thuế phải nộp hoặc tăng số tiền thuế được miễn, giảm, hoàn, không thu*” (quy định tại điểm g khoản 2 Điều 8 Nghị định 127/2013/NĐ-CP, đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định 45/2016/NĐ-CP) do hành vi này không được mô tả rõ ràng, cụ thể theo nguyên tắc xây dựng hành vi của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

3.2.4. Nhóm hành vi trốn thuế (Điều 14)

Các hành vi trốn thuế quy định tại nhóm này được xây dựng trên cơ sở Điều 143 Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 như: sử dụng chứng từ, tài liệu không hợp pháp để khai thuế, sử dụng hàng hóa được miễn thuế không đúng quy định mà không khai thuế...; được sửa đổi, bổ sung cụ thể như sau:

Bổ sung 01 hành vi: “*Cấu kết với người gửi hàng để nhập khẩu hàng hóa nhằm mục đích trốn thuế*” (điểm 1 khoản 1) theo quy định tại khoản 8 Điều 143 Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14).

Sửa đổi 06 hành vi: (i) hành vi “*Khai sai mã số hàng hóa, thuế suất, mức thuế đối với những mặt hàng để được cơ quan hải quan hướng dẫn mã số hàng hóa, thuế suất, mức thuế*” (điểm b khoản 1) được bổ sung cụm từ “*Bộ Tài chính*” để đảm bảo đầy đủ các trường hợp người nộp thuế đã được hướng dẫn; (ii) hành vi “*vi phạm quy định tại điểm b, c, d khoản 3 Điều 9 Nghị định này mà cá nhân, tổ chức vi phạm không nộp đủ số tiền thuế phải nộp theo quy định trước thời điểm lập biên bản vi phạm*” (Đây là quy định kết nối từ hành vi vi phạm quy định về khai thuế (điểm b, c, d khoản 3 Điều 9 Nghị định 128/2020/NĐ-CP) sang hành vi trốn thuế do khoản 2 Điều 142 Luật Quản lý thuế quy định phạt 20% đối với trường hợp có vi phạm quy định về khai thuế nhưng người nộp thuế đã nộp đủ số tiền thuế thiếu; trường hợp không nộp đủ số tiền thuế thiếu mang tính chất cố ý, là hành vi trốn thuế) (iii) hành vi “*Xuất khẩu sản phẩm theo loại hình gia công, sản xuất xuất khẩu hoặc xuất khẩu sản phẩm ra nước ngoài của doanh nghiệp chế xuất mà sản phẩm xuất khẩu không được sản xuất từ nguyên liệu đã nhập khẩu; nhập khẩu sản phẩm theo loại hình gia công từ nước ngoài mà sản phẩm nhập khẩu không được sản xuất từ nguyên liệu đã xuất khẩu*” được sửa lại thành “*Không kê khai về nguyên liệu, vật tư mua trong nước có thuế xuất khẩu cấu thành sản phẩm gia công xuất khẩu; khai sai phần trị giá nguyên liệu, vật tư, linh kiện xuất khẩu cấu thành sản phẩm gia công làm tăng số tiền thuế được miễn đối với sản phẩm gia công khi nhập khẩu trở lại Việt Nam*” cho phù hợp với quy định của Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu (điểm e khoản 1) trên cơ sở quy định tại điểm g khoản 1 Điều 10 và điểm d khoản 1 Điều 11 Nghị định 134/2016/NĐ-CP; (iv) hành vi “*Sử dụng hàng hóa thuộc đối tượng không chịu thuế, miễn thuế, xét miễn thuế, hàng quản lý theo hạn ngạch thuế quan không đúng mục đích mà không khai báo việc chuyển đổi mục đích sử dụng với cơ quan hải quan*” (điểm g khoản 1) được bổ sung cụm từ “*hàng quản lý theo hạn ngạch thuế quan*” đảm bảo mô tả đầy đủ hành vi vi phạm theo quy định tại khoản 5 Điều 25 Nghị định 08/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định 59/2018/NĐ-CP; (v) hành vi “*không khai hoặc khai sai tên hàng, mã số hàng hóa, chủng loại, số lượng, khối lượng, chất lượng, trị giá, thuế suất, mức thuế, xuất xứ hàng hóa nhập khẩu từ khu phi thuế quan vào nội địa*” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 13 Nghị định 127/2013/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định 45/2016/NĐ-CP) được sửa thành “*khai sai về lượng, tên hàng, chủng loại, chất lượng, trị giá, xuất xứ hàng hóa nhập khẩu từ khu phi thuế quan vào nội địa*” (điểm h khoản 1 Điều 14) cho phù hợp với tính chất,

mức độ của hành vi vi phạm (từ khu phi thuế quan vào nội địa); (vi) hành vi “*Bán hàng miễn thuế không đúng đối tượng, định lượng, điều kiện theo quy định của pháp luật*” (điểm k khoản 1) được bổ sung cụm từ “*định lượng, điều kiện theo quy định của pháp luật*” trên cơ sở quy định của pháp luật về quản lý cửa hàng miễn thuế (Điều 2, 3, 8 quy định tại Nghị định 167/2016/NĐ-CP).

Bổ sung biện pháp khắc phục hậu quả “*Buộc nộp đủ số tiền thuế trốn đối với hành vi vi phạm quy định tại Điều này*” (khoản 3). Xóa bỏ đoạn “*đối với cá nhân mỗi tình tiết tăng nặng mức phạt tăng lên 0,1 lần nhưng không quá 1,5 lần số tiền thuế trốn, gian lận*” (khoản 2) cho phù hợp với quy định của Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14; theo đó, mức phạt tiền tại Điều 14 Nghị định 128/2020/NĐ-CP được áp dụng đối với cả cá nhân và tổ chức.

Xóa bỏ hành vi “các hành vi cố ý không khai hoặc khai sai khác về tên hàng, chủng loại, số lượng, khối lượng, chất lượng, trị giá, thuế suất, mức thuế, xuất xứ hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu để trốn thuế, gian lận thuế” (quy định tại điểm 1 khoản 1 Điều 13 Nghị định 127/2013/NĐ-CP, đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định 45/2016/NĐ-CP) do hành vi này không được mô tả rõ ràng, cụ thể theo nguyên tắc xây dựng hành vi của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

3.2.5. Nhóm hành vi vi phạm quy định về khai hải quan của người xuất cảnh, nhập cảnh đối với ngoại tệ tiền mặt, đồng Việt Nam bằng tiền mặt, công cụ chuyên nhượng, vàng, kim loại quý, đá quý (Điều 10)

Sửa đổi, bổ sung 02 hành vi, cụ thể: bổ sung đoạn “*bằng hộ chiếu hoặc bằng các loại giấy tờ khác có giá trị thay cho hộ chiếu do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam hoặc nước ngoài cấp, giấy thông hành hoặc chứng minh thư biên giới*”, “*thuộc loại tiền được phép mang theo*” vào hành vi quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 10 cho rõ ràng và phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 1 Thông tư 15/2011/TT-NHNN về mang ngoại tệ khi xuất cảnh, nhập cảnh.

Bổ sung quy định xử phạt đối với trường hợp trị giá tang vật vi phạm từ 5.000.000 đồng đến dưới 20.000.000 đồng (điểm a khoản 3) cho đầy đủ các trường hợp vi phạm cần xử phạt.

Bổ sung cụm từ “*mà không bị truy cứu trách nhiệm hình sự*” đối với trường hợp tang vật vi phạm từ 100.000.000 đồng trở lên để phân định vi phạm hình sự và vi phạm hành chính (điểm d khoản 1, điểm c khoản 2, điểm c khoản 3, điểm c khoản 4, điểm d khoản 5).

3.2.6. Nhóm hành vi vi phạm quy định về kiểm tra hải quan, thanh tra (Điều 11)

Gồm các hành vi xảy ra hoặc được phát hiện khi thực hiện kiểm tra hải quan, thanh tra như: tẩy xóa, sửa chữa chứng từ thuộc hồ sơ hải quan; không bố trí người, phương tiện để kiểm tra thực tế hàng hóa khi cơ quan hải quan yêu cầu, không xuất trình hàng hóa đang chịu sự giám sát hải quan để cơ quan hải quan kiểm tra theo quy định...; được sửa đổi, bổ sung cụ thể như sau:

Bổ sung 04 hành vi: (i) hành vi “*Lập báo cáo quyết toán không đúng so với số, chứng từ kế toán, tờ khai hải quan mà không thuộc trường hợp khai thiếu thuế*” (điểm c khoản 2) được bổ sung trên cơ sở điểm c Khoản 2 Điều 60 Thông tư 38/2015/TT-BTC đã được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư 39/2018/TT-BTC; (ii) hành vi “*Bán hàng hóa có nguồn gốc hợp pháp tại cửa hàng*

miễn thuế mà không dán tem “Vietnam duty not paid” theo quy định” (khoản 6) và hành vi “Bán tại cửa hàng miễn thuế loại hàng hóa cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu hoặc tạm ngừng xuất khẩu, nhập khẩu, hàng hóa chưa được phép phổ biến, lưu hành tại Việt Nam theo quy định” (điểm d khoản 7) được bổ sung theo quy định khoản 1, 2 Điều 6, Điều 18 Nghị định 167/2016/NĐ-CP; (iii) hành vi “Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa thực tế không đúng với khai hải quan về tên hàng, số lượng mà không có chứng từ để khai bổ sung theo quy định về khai bổ sung của pháp luật hải quan” (khoản 8) được bổ sung để làm căn cứ xử phạt cho trường hợp hàng hóa nhập khẩu không có chứng từ để khai bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 20 Thông tư 38/2015/TT-BTC đã được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư 39/2018/TT-BTC (thuộc trường hợp hàng hóa không có nguồn gốc hợp pháp) được phát hiện trong kiểm tra, thanh tra.

Sửa đổi 04 hành vi: (i) hành vi “Tẩy xóa, sửa chữa chứng từ thuộc hồ sơ hải quan đã được đăng ký...” được sửa thành “Tẩy xóa, sửa chữa chứng từ thuộc hồ sơ hải quan đã nộp, xuất trình hoặc gửi cho cơ quan hải quan theo tờ khai hải quan đã được đăng ký...” (điểm a khoản 1) cho thống nhất với các quy định tại khoản 3 Điều 4 Luật Hải quan, đối với chứng từ điện tử thuộc hồ sơ hải quan được gửi lên hệ thống (không sử dụng nộp, xuất trình như chứng từ giấy); (ii) hành vi “Không bố trí người, phương tiện thực hiện các công việc liên quan để kiểm tra thực tế hàng hóa, phương tiện vận tải khi cơ quan hải quan yêu cầu mà không có lý do xác đáng” được sửa thành “Không bố trí người, phương tiện để thực hiện các yêu cầu của cơ quan hải quan về kiểm tra thực tế hàng hóa, phương tiện vận tải” (điểm a khoản 2) kế thừa quy định hiện hành và chỉnh sửa câu chữ cho thống nhất với các quy định về thủ tục hải quan; (iii) hành vi “Vi phạm các quy định về lập, lưu trữ hồ sơ, chứng từ, sổ sách, dữ liệu điện tử” (điểm b khoản 2) được bổ sung cụm từ “dữ liệu điện tử” bổ sung theo quy định tại điểm b Khoản 3 Điều 4 Nghị định số 68/2016/NĐ-CP; (iv) hành vi “Sử dụng niêm phong hải quan giả mạo; sử dụng chứng từ, tài liệu giả mạo, không hợp pháp, không đúng với thực tế hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu để khai, nộp, xuất trình cho cơ quan hải quan mà không phải là tội phạm” được sửa thành “Sử dụng chứng từ, tài liệu giả mạo; sử dụng chứng từ, tài liệu không hợp pháp để khai, nộp, xuất trình cho cơ quan hải quan mà không bị truy cứu trách nhiệm hình sự” (điểm b khoản 5) để mô tả hành vi rõ ràng hơn và chuyển cụm từ “Sử dụng niêm phong hải quan giả mạo” sang nhóm hành vi vi phạm quy định về giám sát hải quan cho đúng tính chất hành vi).

Về mức phạt: điều chỉnh tăng đối với một số hành vi phạm: (i) hành vi “không chấp hành quyết định kiểm tra, thanh tra thuế của cơ quan hải quan” (khoản 4) được điều chỉnh tăng (mức phạt từ 8.000.000 đồng đến 12.000.000 đồng) cho thống nhất với mức phạt đối với hành vi này tại dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ; (ii) hành vi “Không cung cấp hoặc cung cấp không đầy đủ, đúng thời hạn hồ sơ, chứng từ, tài liệu, dữ liệu điện tử liên quan đến hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh khi cơ quan hải quan yêu cầu theo quy định của pháp luật” được tách thành hai hành vi: “Cung cấp không đầy đủ, đúng thời hạn hồ sơ, chứng từ, tài liệu, dữ liệu điện tử liên quan đến hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh cho cơ quan hải quan theo quy định của pháp luật” (điểm b khoản 3) và “Không cung cấp hồ sơ, chứng từ, tài liệu, dữ liệu điện tử liên quan đến hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh cho cơ quan hải quan theo quy định của pháp luật” (điểm b khoản 5) với mức phạt của hành vi “không cung cấp...” cao hơn hành vi “cung cấp không đúng thời hạn...” cho phù hợp với tính chất, mức độ của hành vi vi phạm.

3.2.7. Nhóm hành vi vi phạm quy định về giám sát hải quan (Điều 12)

Gồm các hành vi vi phạm về giám sát hải quan như: không bảo đảm nguyên trạng niêm phong hải quan, niêm phong của hãng vận chuyển, tự ý tiêu thụ hàng hóa đang chịu sự giám sát hải quan; đưa nguyên liệu, vật tư, máy móc đi gia công ở cơ sở khác mà không thông báo...; được sửa đổi, bổ sung cụ thể như sau:

Bổ sung 04 hành vi: (i) hành vi “*Thực hiện tiêu hủy phế liệu, phế phẩm từ hoạt động gia công, sản xuất hàng xuất khẩu, hoạt động của doanh nghiệp chế xuất mà không thông báo với cơ quan hải quan*” (điểm b khoản 1) được bổ sung theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 64, khoản 1 Điều 72, khoản 4 Điều 75 Thông tư 38/2015/TT-BTC đã được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư 39/2018/TT-BTC; (ii) hành vi “*Thực hiện vận chuyển hàng hóa từ kho chứa hàng miễn thuế đến cửa hàng miễn thuế, tàu bay và ngược lại mà không thông báo hoặc không được sự đồng ý của cơ quan hải quan*” (điểm d khoản 1) được bổ sung theo căn cứ quy định tại Điều 10, 11 Nghị định 167/2016/NĐ-CP; (iii) hành vi “*Lưu giữ hàng hóa được đưa về bảo quản tại địa điểm không đáp ứng đủ điều kiện quy định của pháp luật*” (điểm đ khoản 2) được bổ sung theo quy định khoản 3 Điều 33 Nghị định 08/2015/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định 59/2018/NĐ-CP và điểm b1 khoản 5 Điều 32 Thông tư 38/2015/TT-BTC đã được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư 39/2018/TT-BTC; (iv) hành vi “*Không bảo đảm nguyên trạng niêm phong hải quan, không bảo đảm nguyên trạng niêm phong của hãng vận chuyển đối với trường hợp không phải niêm phong hải quan theo quy định trong quá trình vận chuyển hàng hóa đang chịu sự giám sát hải quan, sử dụng niêm phong hải quan giả mạo hoặc niêm phong của hãng vận chuyển giả mạo mã hàng hóa đang chịu sự giám sát hải quan đã bị tiêu thụ*” (khoản 6) được bổ sung trên cơ sở gộp hai hành vi “*tự ý phá niêm phong hải quan*” và hành vi “*tự ý tiêu thụ hàng hóa đang chịu sự giám sát hải quan*” quy định tại Điều 12 Nghị định 127/2013/NĐ-CP, đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định 45/2016/NĐ-CP.

Sửa đổi 03 hành vi: (i) hành vi “*Thực hiện việc trung chuyển, chuyển tải, lưu kho, chia tách lô hàng, đóng chung container, đóng chung toa xe chở hàng, thay đổi phương thức vận chuyển, thay đổi phương tiện vận tải trong quá trình vận chuyển hàng hóa đang chịu sự giám sát hải quan mà không thông báo hoặc không được sự đồng ý của cơ quan hải quan theo quy định của pháp luật*” (điểm a khoản 1) được bổ sung đoạn “*đóng chung container, đóng chung toa xe chở hàng, thay đổi phương thức vận chuyển, thay đổi phương tiện*” trên cơ sở quy định tại khoản 9 Điều 43 Nghị định 08/2015/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định 59/2018/NĐ-CP; (ii) hành vi “*Đưa nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị đến cơ sở khác gia công lại*” (điểm c khoản 1) được bổ sung đoạn “*hoặc đến cơ sở, nơi lưu giữ khác với địa điểm ban đầu đã thông báo với cơ quan hải quan để gia công, sản xuất hàng hóa xuất khẩu mà không thông báo cho cơ quan hải quan*” để đảm bảo mô tả đầy đủ hành vi vi phạm và điểm d khoản 3 Điều 64, khoản 1 Điều 72, khoản 4 Điều 75 Thông tư 38/2015/TT-BTC đã được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư 39/2018/Tr-BTC; (iii) hành vi “*Tự ý phá niêm phong hải quan*” được sửa thành “*Không bảo đảm nguyên trạng niêm phong hải quan, không bảo đảm nguyên trạng niêm phong của hãng vận chuyển đối với trường hợp không phải niêm phong hải quan theo quy định trong quá trình vận chuyển hàng hóa đang chịu sự giám sát hải quan, sử dụng niêm phong hải quan giả mạo hoặc niêm phong của hãng vận chuyển giả mạo*” (khoản 3) để đảm bảo mô tả đầy đủ hành vi vi phạm trên cơ sở quy định tại khoản 6 Điều 50 Thông tư 38/2015/TT-BTC đã được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư 39/2018/TT-BTC.

Bổ sung nội dung quy định trường hợp đồng thời vi phạm quy định về giám sát hải quan (tiêu thụ hàng hóa đang chịu sự giám sát hải quan, hàng hóa đang chờ hoàn thành việc thông quan) mà số tang vật này lại vi phạm chính sách quản lý hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thì xử phạt về cả 02 hành vi vi phạm (khoản 9 Điều 12).

3.2.8. Nhóm hành vi vi phạm quy định về kiểm soát hải quan (Điều 13)

Gồm các hành vi vi phạm được phát hiện trong quá trình cơ quan hải quan thực hiện hoạt động nghiệp vụ kiểm soát hải quan như: vận chuyển trái phép hàng hóa, tiền tệ qua biên giới; chứa chấp, mua bán hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu không có chứng từ hợp pháp trong địa bàn hoạt động hải quan, không cung cấp sơ đồ hầm hàng để thực hiện quyết định khám hành chính..., được sửa đổi, bổ sung cụ thể như sau:

Bổ sung 01 hành vi: “*Vận chuyển phế liệu vào Việt Nam cho người nhận hàng trên Bản lược khai hàng hóa không đủ điều kiện nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất*” (điểm d khoản 5) được bổ sung để bảo đảm ngăn chặn việc vận chuyển phế liệu không đủ điều kiện vào Việt Nam.

Sửa đổi định danh 02 hành vi: (i) hành vi “*Vận chuyển trái phép hàng hóa, đồng Việt Nam tiền mặt, ngoại tệ, kim loại quý, đá quý qua biên giới*” (điểm b khoản 1) được bổ sung đoạn “*đồng Việt Nam tiền mặt, ngoại tệ, kim loại quý, đá quý*” cho thống nhất với pháp luật về quản lý tiền tệ; (ii) hành vi “*Đưa phương tiện vận tải qua lại biên giới quốc gia trên đất liền không đúng tuyến đường, cửa khẩu quy định; không làm thủ tục hải quan theo quy định*” (điểm c khoản 1) được sửa đổi để bảo đảm việc mô tả hành vi đầy đủ và phù hợp với quy định tại Nghị định 08/2015/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định 59/2018/NĐ-CP.

3.2.9. Nhóm hành vi vi phạm chính sách quản lý hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu

Nhóm các hành vi vi phạm về chính sách quản lý hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu gồm 8 điều, được quy định từ Điều 15 đến Điều 22 của Nghị định (Nghị định 127/2013/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định 45/2016/NĐ-CP chỉ quy định tại một điều - Điều 14), được xây dựng trên cơ sở quy định của pháp luật quản lý ngoại thương, pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa; gồm:

- Vi phạm quy định về xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu, tạm ngừng xuất khẩu, tạm ngừng nhập khẩu (Điều 15).

- Vi phạm quy định về xuất khẩu, nhập khẩu, kinh doanh tạm nhập - tái xuất, quá cảnh, chuyển khẩu hàng hóa có hình ảnh, nội dung thể hiện không đúng chủ quyền quốc gia hoặc hàng hóa có nội dung khác gây ảnh hưởng đến an ninh, chính trị, kinh tế, xã hội, quan hệ ngoại giao của Việt Nam (Điều 16).

- Vi phạm quy định về xuất khẩu, nhập khẩu, kinh doanh tạm nhập - tái xuất, quá cảnh, chuyển khẩu hàng hóa giả mạo xuất xứ Việt Nam (Điều 17).

- Vi phạm quy định về xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa theo hạn ngạch, giấy phép, điều kiện, tiêu chuẩn, quy chuẩn (Điều 18).

- Vi phạm quy định về xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa thuộc danh mục chỉ định thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu (Điều 19).

- Vi phạm quy định về tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập hàng hóa (Điều 20).

- Vi phạm quy định về quá cảnh, chuyển khẩu hàng hóa (Điều 21).

- Vi phạm quy định về ghi nhãn hàng hóa nhập khẩu (Điều 22).

Theo đó:

- Đã bổ sung 10 hành vi vi phạm, gồm: (i) “Xuất khẩu, nhập khẩu, kinh doanh tạm nhập - tái xuất, quá cảnh, chuyển khẩu hàng hóa có hình ảnh, nội dung thể hiện không đúng chủ quyền quốc gia hoặc có nội dung khác gây ảnh hưởng đến an ninh, chính trị, kinh tế, xã hội, quan hệ ngoại giao của Việt Nam” (Điều 16); (ii) “Xuất khẩu, nhập khẩu, kinh doanh tạm nhập - tái xuất, quá cảnh, chuyển khẩu hàng hóa giả mạo xuất xứ Việt Nam” (Điều 17); (iii) “Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa theo quy định phải có hạn ngạch nhưng không có hạn ngạch” và “xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa phải kiểm tra chuyên ngành mà không có thông báo kết quả kiểm tra chuyên ngành theo quy định của pháp luật” (khoản 1 Điều 18); (iv) “Vi phạm quy định về xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa thuộc danh mục chỉ định thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu” (Điều 19); (v) “Kinh doanh tạm nhập, tái xuất hàng hóa thuộc danh mục kinh doanh tạm nhập, tái xuất có điều kiện mà không đủ điều kiện để kinh doanh tạm nhập, tái xuất” (khoản 3 Điều 20); (vi) “Chuyển khẩu hàng hóa thuộc danh mục cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu, tạm ngừng xuất khẩu, tạm ngừng nhập khẩu, hàng chưa được phép lưu hành, sử dụng tại Việt Nam mà không có giấy phép theo quy định (điểm b khoản 2 Điều 21); (vii) “Chuyển khẩu hàng hóa thuộc danh mục hàng hóa cấm kinh doanh chuyển khẩu, tạm ngừng kinh doanh chuyển khẩu” (khoản 3 Điều 21); (viii) “nhập khẩu hàng hóa có nhãn gốc mà không đọc được hết các nội dung bắt buộc của nhãn hàng hóa theo quy định của pháp luật về nhãn hàng hóa nhưng cá nhân, tổ chức nhập khẩu hàng hóa không khắc phục được” (khoản 1 Điều 22); (ix) “Nhập khẩu hàng hóa có nhãn hàng hóa ghi không đúng các nội dung bắt buộc trên nhãn hàng hóa theo quy định của pháp luật về nhãn hàng hóa (trừ trường hợp hàng giả, hàng hóa giả mạo xuất xứ Việt Nam)” (khoản 2 Điều 22).

Đối với hành vi “mang vào hoặc mang ra khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam trái phép ma túy, vũ khí, pháo các loại thuộc danh mục hàng cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu hoặc tạm ngừng xuất khẩu, tạm ngừng nhập khẩu” thì khoản 2 Điều 15 Nghị định 128/2020/NĐ-CP quy định xử phạt theo quy định tại Nghị định 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định xử phạt VPHC trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng cháy, chữa cháy; phòng, chống bạo lực gia đình.

Đối với hành vi “vận chuyển ngà voi, sừng tê giác thuộc loại cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu”, khoản 2 Điều 15 Nghị định 128/2020/NĐ-CP quy định xử phạt về hành vi “Vận chuyển lâm sản trái pháp luật” quy định tại Điều 22 Nghị định số 35/2019/NĐ-CP ngày 25 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lâm nghiệp; hành vi

“xuất khẩu, nhập khẩu ngà voi, sừng tê giác thuộc loại cam xuất khẩu, cấm nhập khẩu”, khoản 3 Điều 15 Nghị định 128/2020/NĐ-CP quy định xử phạt về hành vi *“mua bán lâm sản trái pháp luật”* quy định tại Điều 23 Nghị định số 35/2019/NĐ-CP.

- Sửa đổi, bổ sung hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả đối với một số hành vi vi phạm tại nhóm này theo hướng: chỉ quy định tịch thu đối với tang vật vi phạm là hàng hóa cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu nếu không gây ô nhiễm môi trường, ảnh hưởng sức khỏe con người, văn hóa phẩm độc hại, cấm lưu hành; nếu thuộc trường hợp này thì Nghị định quy định buộc tái xuất hoặc buộc tiêu hủy. Đối với tang vật vi phạm là hàng hóa tạm nhập, tái xuất, hàng quá cảnh, chuyển khẩu, Nghị định quy định buộc tái xuất tang vật vi phạm tại cửa khẩu nhập.

3.2.10. Nhóm hành vi vi phạm về quản lý kho ngoại quan, kho bảo thuế, địa điểm thu gom hàng lẻ, cửa hàng miễn thuế (Điều 23)

Gồm các hành vi vi phạm về thủ tục hải quan đối với hàng hóa đưa ra, đưa vào kho ngoại quan.

Bổ sung 01 hành vi: *“Không đưa hàng hóa, nguyên liệu, vật tư ra khỏi kho ngoại quan, kho bảo thuế, địa điểm thu gom hàng lẻ, cửa hàng miễn thuế, kho của doanh nghiệp bán hàng miễn thuế khi quá thời hạn lưu giữ theo quy định”* (điểm d khoản 1) theo quy định tại Điều 47 và Điều 61 Luật Hải quan.

Sửa đổi 01 hành vi: *“Mở rộng, thu hẹp, di chuyển địa điểm cửa hàng miễn thuế, kho ngoại quan, kho hàng không kéo dài, địa điểm thu gom hàng lẻ, địa điểm làm thủ tục hải quan, tập kết, kiểm tra, giám sát hải quan không được phép của cơ quan hải quan”* (điểm b khoản 2) được bổ sung các cụm từ *“cửa hàng miễn thuế”, “kho hàng không kéo dài”, “địa điểm làm thủ tục hải quan, tập kết, kiểm tra, giám sát hải quan”* đảm bảo mô tả đầy đủ hành vi vi phạm theo quy định Điều 9, 13, 21, 28, 34, 38 Nghị định 68/2016/NĐ-CP.

Bỏ 01 hành vi: *“Lưu giữ hàng hóa không phù hợp với hợp đồng thuê kho ngoại quan, không phù hợp với điều kiện bảo quản, lưu giữ của kho”* (điểm c khoản 2 Điều 15 Nghị định 127/2013/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định 45/2016/NĐ-CP) do pháp luật hải quan không quản lý đối với hợp đồng thuê kho.

Không quy định tại Điều này hành vi *“Khai sai so với thực tế về lượng, tên hàng, chủng loại, xuất xứ hàng hóa đưa vào kho ngoại quan, kho bảo thuế; hàng hóa từ kho ngoại quan, kho bảo thuế đưa ra nước ngoài”*, mà chuyển về Điều 8 (vi phạm quy định về khai hải quan) cho thống nhất về cụm hành vi khai sai.

3.2.11. Vi phạm quy định về quản lý hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tại cảng, kho, bãi, địa điểm làm thủ tục hải quan, tập kết, kiểm tra, giám sát hải quan (Điều 24)

Gồm các hành vi vi phạm về chế độ quản lý cảng, kho, bãi, địa điểm làm thủ tục hải quan... (sắp xếp hàng hóa, tình hình hàng hóa tồn đọng tại cảng, cho hàng hóa ra khỏi khu vực cảng, kho, bãi không đúng quy định).

Sửa đổi 02 hành vi: (i) hành vi “*Không thực hiện việc cung cấp thông tin và phối hợp với cơ quan hải quan trong việc theo dõi, kiểm tra, giám sát hàng hóa ra, vào, lưu giữ tại khu vực cảng, kho, bãi, địa điểm làm thủ tục hải quan, tập kết, kiểm tra, giám sát hải quan*” (điểm b khoản 2) được bổ sung cụm từ “*địa điểm làm thủ tục hải quan, tập kết, kiểm tra, giám sát hải quan*” căn cứ quy định tại Mục 1, Chương 2 Nghị định 68/2016/NĐ-CP; (ii) hành vi “*Cho phép đưa hàng hóa ra khỏi khu vực cảng, kho, bãi khi chưa nhận được thông tin hàng hóa đủ điều kiện qua khu vực giám sát hoặc đã nhận được thông tin tạm dừng đưa hàng hóa qua khu vực giám sát hải quan*” (khoản 3) được bổ sung đoạn “*nhận được thông tin hàng hóa đủ điều kiện qua khu vực giám sát hoặc đã nhận được thông tin tạm dừng đưa hàng hóa qua khu vực giám sát hải quan*” cho phù hợp với quy định tại điểm d.3.2 khoản 1 Điều 52 Thông tư 38/2015/TT-BTC sửa đổi tại Thông tư 39/2018/TT-BTC.

3.2.12. Vi phạm quy định liên quan đến cưỡng chế thi hành quyết định hành chính (Điều 25)

Điều này được xây dựng trên cơ sở quy định tại Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 (Điều 144,145), Luật Xử lý vi phạm hành chính (Điều 88), khoản 5 Điều 16 Nghị định 166/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính; quy định xử phạt đối với trường hợp ngân hàng thương mại không thực hiện trách nhiệm trích chuyển tiền từ tài khoản hoặc khấu trừ một phần tiền lương của cá nhân, tổ chức vi phạm theo quyết định cưỡng chế; xử phạt đối với trường hợp thông đồng bao che cho người nộp thuế, không thực hiện quyết định cưỡng chế ...

4. về các biện pháp ngăn chặn và bảo đảm thực hiện quyết định xử phạt; thẩm quyền; thủ tục xử phạt vi phạm hành chính (Điều 26 Nghị định)

Điều này quy định việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn vi phạm hành chính và bảo đảm việc xử phạt vi phạm hành chính trong một số tình huống đặc thù thuộc lĩnh vực hải quan như: tạm giữ tang vật vi phạm trong trường hợp vừa có hàng hóa đúng khai báo, vừa có hàng hóa không đúng khai báo; tạm giữ ngoại tệ của khách xuất nhập cảnh. Đây là các quy định được kế thừa từ Nghị định 127/2013/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định 45/2016/NĐ-CP.

Điều này bỏ các quy định: về tạm giữ hàng hóa trong trường hợp vừa có hàng hóa vi phạm vừa có hàng hóa không vi phạm; việc khám PTVT, đo vật của đối tượng được hưởng quyền ưu đãi miễn trừ (Điều 57 Luật HQ); việc khám nơi cất giấu tài liệu, tang vật, PTVPHC khi có dấu hiệu trốn thuế do các quy định này đã được quy định cụ thể trong Luật Xử lý VPHC, Luật Hải quan và Luật Quản lý thuế.

5. Về thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan (Điều 27):

Gồm: những người có thẩm quyền xử phạt quy định tại các Điều 28, 29, 30, 31 Nghị định; người thuộc lực lượng quân đội nhân dân, công chức thuộc cơ quan quy định tại các Điều 28, 29, 30, 31 Nghị định; chỉ huy trưởng tàu bay, tàu biển.

6. Thẩm quyền xử phạt và phân định thẩm quyền xử phạt (Điều 32)

- Nghị định quy định thẩm quyền xử phạt của Chủ tịch UBND cấp huyện, cấp tỉnh (Điều 28); thẩm quyền xử phạt của hải quan (Điều 29); thẩm quyền xử phạt của Bộ đội Biên phòng (Điều 30); thẩm quyền xử phạt của Cảnh sát biển (Điều 31). Các quy định này cơ bản được kế thừa từ Nghị định 127/2013/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định 45/2016/NĐ-CP; có sửa đổi, bổ sung đối với một số chức danh có thẩm quyền xử phạt của Hải quan, Bộ đội Biên phòng, Cảnh sát biển do có sự thay đổi về cơ cấu tổ chức hoặc theo quy định của Luật Quản lý thuế thì không có thẩm quyền xử phạt vi phạm pháp luật về quản lý thuế (chức danh Chi cục trưởng Chi cục Kiểm tra sau thông quan).

- Điều 32 Nghị định (tại các khoản 6, 7, 8, 9) đã phân định cụ thể thẩm quyền xử phạt đối với từng hành vi vi phạm của từng chức danh có thẩm quyền xử phạt quy định tại Nghị định.

7. Về thủ tục xử phạt, thi hành quyết định xử phạt (Điều 33)

- Nghị định 128/2020/NĐ-CP quy định thủ tục xử phạt, thi hành quyết định xử phạt thực hiện theo quy định tại Chương III Phần thứ hai Luật Xử lý VPHC và quy định tại Nghị định.

- Đối với trường hợp quá thời hạn thực hiện mà biện pháp khắc phục hậu quả buộc tái xuất, buộc đưa ra khỏi lãnh thổ Việt Nam chưa được thực hiện, Nghị định phân định rõ biện pháp xử lý đối với từng trường hợp: (i) buộc tiêu hủy tang vật vi phạm hành chính là hàng hóa, vật phẩm gây hại cho sức khỏe con người, vật nuôi, cây trồng và môi trường, văn hóa phẩm có nội dung độc hại; (ii) tịch thu đối với các loại tang vật khác.

8. Miễn, giảm tiền phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan (Điều 34)

a) Nghị định 128/2020/NĐ-CP quy định miễn tiền phạt được áp dụng đối với cá nhân, tổ chức bị phạt tiền do vi phạm hành chính về quản lý thuế; quy định hồ sơ đề nghị miễn tiền phạt, trình tự miễn tiền phạt.

b) Đối với trường hợp miễn, giảm cho cá nhân bị xử phạt vi phạm hành chính khác trong lĩnh vực hải quan, Nghị định 128/2020/NĐ-CP dẫn chiếu thực hiện theo quy định của Luật Xử lý VPHC (Điều 77).

9. Về mẫu biên bản và quyết định sử dụng trong xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan

Ngày 11/11/2020 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 90/2020/TT- BTC quy định mẫu biên bản, quyết định sử dụng trong xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan.

Thông tư có hiệu lực thi hành từ ngày 26/12/2020 và thay thế Thông tư số 155/2016/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2016. Các nội dung quy định tại Chương I và Chương II Thông tư số 155/2016/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Nghị định số 128/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan có hiệu lực thi hành.

Các mẫu QĐ-50, QĐ-51, QĐ-52, QĐ-53, QĐ-54, QĐ-55, QĐ-56, TB-57, TB-58, TB-60 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 155/2016/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế có hiệu lực thi hành (5/12/2020).

Mẫu MQĐ36 ban hành kèm theo Thông tư này được áp dụng từ ngày Nghị định số 128/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan có hiệu lực thi hành (10/12/2020).

Thông tư gồm:

(i) 36 mẫu quyết định. Trong đó:

Bổ sung 08 mẫu so với Thông tư 155/2016/TT-BTC, gồm:

07 mẫu bổ sung theo quy định của Nghị định 97/2017/NĐ-CP

- + Quyết định cưỡng chế thuộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả (MQĐ10);
- + Quyết định chấm dứt việc tạm giữ người theo thủ tục hành chính (MQĐ18);
- + Quyết định khám nơi cất giấu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính là chỗ ở (MQĐ25);
- + Quyết định về việc giao quyền cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính (MQĐ30)
- + Quyết định về việc giao quyền tạm giữ người theo thủ tục hành chính (MQĐ31);
- + Quyết định đình chỉ quyết định xử phạt vi phạm hành chính (MQĐ33);
- + Quyết định trưng cầu giám định (MQĐ35);

- **01 mẫu** (Quyết định chuyển tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tạm giữ, tịch thu - MQĐ36) bổ sung theo quy định lại điểm a khoản 2 Điều 16 Nghị định 115/2013/NĐ-CP ngày 03/10/2013 của Chính phủ quy định về quản lý, bảo quản tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu theo thủ tục hành chính (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định 31/2020/NĐ-CP) quy định “*Người được giao nhiệm vụ quản lý, bảo quản tang vật, phương tiện bị tạm giữ, tịch thu thực hiện việc trả lại hoặc chuyển tang vật, phương tiện khi đã có quyết định trả lại hoặc quyết định chuyển tang vật, phương tiện...*”

Bổ 03 mẫu so với Thông tư 155/2016/TT-BTC:

- + Quyết định về việc áp dụng biện pháp cưỡng chế bằng các biện pháp khác. Lý do: đã có đủ các mẫu quyết định đối với các biện pháp cưỡng chế theo quy định của Luật Xử lý VPHC.

+ Quyết định về việc áp dụng biện pháp cưỡng chế dừng làm thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; Quyết định tạm thời chưa áp dụng biện pháp cưỡng chế dừng làm thủ tục hải quan hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

Bỏ 2 QĐ này do: các mẫu quyết định áp dụng biện pháp cưỡng chế đối với quyết định xử phạt về thuế thực hiện theo Phụ lục III của Nghị định 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 quy định chi tiết thi hành Luật QLT năm 2019.

(ii) Mẫu Biên bản (26 mẫu)

17 mẫu biên bản từ 01 đến 17 theo Nghị định 97/2017/NĐ-CP.

Tách mẫu

- Tách mẫu BB-HC22 - Biên bản cưỡng chế thi hành QĐHC trong lĩnh vực hải quan tại Thông tư 155 thành 02 mẫu BB05 - Biên bản cưỡng chế thu tiền, tài sản để thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính và ĐB06 - Biên bản cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả;

- Tách mẫu BB-HC03 - Biên bản niêm phong, mở niêm phong hải quan tại Thông tư 155 thành 02 mẫu BB16 - Biên bản niêm phong tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tạm giữ theo thủ tục hành chính và mẫu BB17 - Biên bản mở niêm phong tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tạm giữ theo thủ tục hành chính.

09 mẫu Biên bản được sử dụng trong lĩnh vực hải quan mà Nghị định 97/2017/NĐ-CP không có (kể thừa TT 155):

- Biên bản bàn giao hồ sơ, tang vật, phương tiện vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan (MBB18);

- Biên bản làm việc (MBB 19) ;

- Biên bản chứng nhận (MBB 20) ;

- Biên bản xác định trị giá hàng hóa, tang vật vi phạm (MBB 21);

- Biên bản ghi nhận tình trạng tang vật, phương tiện vi phạm thay đổi so với thời điểm ra quyết định tạm giữ (MBB 22) ;

- Biên bản chứng nhận đưa hàng hóa, vật phẩm, phương tiện ra khỏi Việt Nam hoặc buộc tái xuất (MBB 23);

- Biên bản xác minh thông tin về tài sản của đối tượng bị cưỡng chế (MBB 24);

- Biên bản giao bảo quản tài sản kê biên (MBB 25);

- Biên bản chuyển giao tài sản kê biên để bán đấu giá (MBB 26).

Các mẫu này có trong TT 155, được sửa đổi, bổ sung: bổ sung chú thích (*) nêu rõ mẫu được sử dụng trong trường hợp nào, sửa đổi cơ quan ban hành, ký hiệu biên bản để thống nhất với các mẫu biên bản khác.

Bỏ 01 mẫu (BB-HC20) tại Thông tư 155: Biên bản xử lý đối với tang vật, phương tiện vi phạm bị tịch thu nhưng không còn giá trị sử dụng hoặc không bán đấu giá được.

Lý do: Biên bản này căn cứ Điều 82 Luật Xử lý VPHC quy định về xử lý đối với tang vật bị tịch thu. Tuy nhiên hiện nay việc xử lý tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu thực hiện theo quy định tại Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản liên quan. Theo đó điểm c khoản 2 Điều 18 Nghị định 29/2018/NĐ-CP quy định: tiêu hủy đối với tài sản là hàng hóa, vật phẩm để bị hư hỏng nhưng không thể xử lý theo hình thức bán; tài sản không còn khả năng sử dụng hoặc tài sản thuộc danh Mục cấm sản xuất, kinh doanh và lưu thông theo quy định của pháp luật. Trường hợp đặc biệt cần xử lý theo hình thức khác để đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả thì đơn vị chủ trì quản lý tài sản báo cáo Bộ Tài chính hoặc báo cáo cơ quan cấp trên (nếu có) để báo cáo Bộ Tài chính xem xét, quyết định xử lý. Việc tiêu hủy đã có mẫu biên bản tiêu hủy nên biên bản này không cần thiết.

(iii) Mẫu Thông báo (01 mẫu)

- **01 mẫu** (Thông báo về việc tạm giữ người theo thủ tục hành chính).

- **Bỏ 03 mẫu** Thông báo liên quan đến quản lý thuế quy định tại Thông tư 155/2016/TT-BTC (Mẫu Thông báo 57, 58, 60 Thông tư 155).

(iv) Đối với mẫu biên bản và quyết định cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm pháp luật về quản lý thuế, thực hiện theo mẫu ban hành kèm theo Nghị định 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế (phụ lục III)./.